

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 279/2018/DS-ST

Ngày: 11/9/2018

V/ v tranh chấp “ Hợp đồng mua
bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Bé**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Vẹn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-DSST ngày 03/5/2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2018/QĐXX-ST ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1970 (có mặt)

Trú tại: Ô1, Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

*** Bị đơn:** 1/ Ông Huỳnh Thành Q, sinh năm 1966 (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản khai, Biên bản hoà giải tại Toà và tại phiên Tòa hôm nay, Bà Trần Thị H trình bày:

Khoảng đầu năm 2017, Bà có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Huỳnh Thành Q và bà Nguyễn Thị H với hình thức bà giao thức ăn trước và nhận tiền sau, các bên có lập sổ sách theo dõi. Quá trình giao dịch, Ông Q và bà H có trả bà nhiều lần tiền, sau đó không trả nữa. Các bên có đối chiếu sổ sách và thống nhất Ông Q và bà H còn nợ lại bà số tiền 56.350.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Ông Q và bà H liên đới trả cho bà số tiền 56.350.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo Bản khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hoà giải tại Toà , ông Q và bà H thống nhất lời trình bày của bà H, thừa nhận ông bà còn thiếu bà H số tiền mua thức ăn là số tiền 56.350.000 đồng. Ông Q và bà H cũng đồng ý liên đới trả cho bà H số tiền trên, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ, ông bà đồng ý việc bà H không yêu cầu ông bà trả lãi suất.

Tại phiên toà, Ông Q trình bày do làm ăn thua lỗ nên ông và bà H chưa trả được nợ cho bà H. Ông cũng đồng ý liên đới với bà H trả cho bà H số tiền 56.350.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết số nợ, ông bà đồng ý việc bà H không yêu cầu ông bà trả lãi suất. Ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bà H có Đơn xin xét xử vắng mặt, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy việc bà Trần Thị H yêu cầu Ông Huỳnh Thành Q và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho bà số tiền 56.350.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, ông Q và bà H cũng thừa nhận nợ và đồng ý trả, nên yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận. Đối với ý kiến xin trả dần mỗi tháng số tiền 56.350.000 đồng cho đến khi hết số nợ của ông Q và bà H làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H, không được bà H đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “ Hợp đồng mua bán tài sản ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định. Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị H có bản khai và có Đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Quá trình tố tụng, các đương sự trong vụ án có bản khai và ý kiến trình bày thống nhất, nên có cơ sở xác định vào khoảng đầu năm 2017, bà Trần Thị H có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Huỳnh Thành Q và bà Nguyễn Thị H. Quá trình giao

dịch, bà H giao thức ăn trước và nhận tiền sau. Ông Q và bà H có trả bà H nhiều lần tiền, sau đó không trả nữa và thống nhất xác nhận còn nợ lại bà H 56.350.000 đồng. Ông Q và bà H cũng đồng ý liên đới trả cho bà H số tiền trên, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ, ông bà đồng ý việc bà H không yêu cầu ông bà trả lãi suất. Do đó việc bà H yêu cầu Ông Q và bà H liên đới trả cho bà H 56.350.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về việc Ông Q và bà H xin trả dần số tiền 56.350.000 đồng hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, cho đến khi hết số nợ và tại phiên toà, ông Q đồng ý liên đới với bà H trả nợ cho bà H, xin trả dần số tiền 56.350.000 đồng hàng tháng, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng, cho đến khi hết số nợ : xét yêu cầu trên không được bà H đồng ý. Theo quy định tại Điều 280, khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 2 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc bà H yêu cầu Ông Q và bà H liên đới trả cho bà H số tiền 56.350.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về Điều luật áp dụng: áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 2 Điều 440, Điều 280, Điều 288, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Quang và bà Hiệp phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, khoản 3 Điều 434 và khoản 1, khoản 2 Điều 440, Điều 280, Điều 288, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H.

Buộc ông Huỳnh Thành Q và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền 56.350.000 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí: ông Huỳnh Thành Q và bà Nguyễn Thị H phải nộp 2.817.500 đồng.

Hoàn trả cho bà H số tiền 1.409.000 đồng theo biên lai số 0014551 ngày 03/5/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị H, ông Huỳnh Thành Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T.
- VKS nhân dân huyện C.
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Ngọc Hạnh